

[illegible]

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh(4)	Lập trình căn bản(2)	Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Cài đặt, thiết lập, quản lý và vận hành mạng LAN, Internet.(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2454802030403	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	18/11/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
23	2454802030404	Huỳnh Thị Thúy Nhung	01/05/2009	6.9	7.4	9.6	6.9	8.3	7.7	9.2	8.0	Giỏi
24	2454802030405	Đặng Trọng Phúc	30/08/2009	8.7	7.6	9.6	7.5	8.4	9.7	9.4	8.6	Giỏi
25	2454802030406	Lê Minh Sang	02/10/2009	9.6	5.1	7.7	6.2	8.1	7.6	8.9	7.0	Khá
26	2454802030407	Dương Văn Thái	06/02/2009	7.7	6.7	8.9	5.1	7.6	8.5	8.5	7.5	Khá
27	2454802030408	Mai Nguyễn Hoàng Thái	20/10/2009	8.0	5.1	8.9	5.7	6.5	7.3	8.8	6.8	Trung bình
28	2454802030409	Huỳnh Quốc Thanh	10/11/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
29	2454802030410	Đỗ Phúc Toàn	05/05/2009	8.0	5.0	7.7	5.4	8.2	7.2	8.3	6.7	Trung bình
30	2454802030411	Huỳnh Minh Trí	04/07/2009	8.2	5.4	8.9	6.3	7.0	7.7	9.5	7.2	Khá
31	2454802030412	Lê Quang Trường	28/09/2008	3.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
32	2454802030413	Lê Anh Tuấn	29/09/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
33	2454802030414	Lê Công Vinh	11/12/2009	7.0	9.0	9.9	7.2	8.7	7.2	8.8	8.5	Giỏi
34	2454802030415	Lê Quang Vinh	01/01/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
35	2454802030416	Lê Thị Kim YẾN	27/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu

Lưu ý : Môn học **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 28 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái